

Thứ năm, ngày 30 tháng 1 năm 2020

Vietnam Daily Review

Sắc đỏ đầu năm

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 31/1/2020		•	
Tuần 27/1-31/1/2020		•	
Tháng 1/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Phiên mở đầu năm Canh Tý diễn ra chủ yếu trong sắc đỏ. VN-Index giảm điểm mạnh trong cả hai phiên sáng và chiều, đồng thuận với đà giảm của hầu hết các TTCK lớn trên thế giới. Những lo ngại về sự bùng phát của dịch cúm Corona đã ảnh hưởng tiêu cực đến tâm lý nhà đầu tư, dẫn đến việc chỉ số chốt phiên với mức giảm sâu 3.2%. Độ rộng thị trường hoàn toàn nghiêng về phía bên bán với 274 mã giảm điểm. Ngoài áp lực bán mạnh của nhóm bluechips, VN-Index cũng trở nên phân hóa khi nhóm Hàng không, Vận tải với các mã HVN, VJC, GMD, PVT,... đều ghi nhận mức giảm mạnh, còn nhóm Y tế giữ được sắc xanh.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 910 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 30/1/2019, hầu hết chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch tăng.

Danh mục i-Invest: Theme_Cổ tức cao - Thanh khoản tốt_-0.5%. 9/20 danh mục Chủ đề có hiệu suất tốt hơn VNINDEX. Đặc biệt, danh mục **Cổ tức cao - Thanh khoản tốt** - gồm những cổ phiếu trả cổ tức tiền đều, doanh nghiệp có tính ổn định cao, phòng thủ tốt - hôm nay có mức hiệu suất ngày **-0.5%**, con số này của VNINDEX là -3.2%.

Phân tích kỹ thuật: TCM_Tăng giá (Trang 3)

Các mã cổ phiếu tăng giá theo như dự báo của BSC bao gồm: **CTG, VPB, HPG, NVL, FPT**

Điểm nhấn

- VN-Index **-31.88 điểm**, đóng cửa 959.58. HNX-Index **-2.17 điểm**, đóng cửa 104.11.
- Kéo chỉ số tăng: **DHG (+0.21); EIB (+0.19); VCF (+0.10); NT2 (+0.07); VPD (+0.03).**
- Kéo chỉ số giảm: **VCB (-4.79); BID (-3.23); SAB (-2.63); VNM (-2.37); VHM (-1.94).**
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **3,892 tỷ đồng**, **+53%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 23.72 điểm. Thị trường có 231 mã tăng, 69 mã tham chiếu và 95 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **184.97 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm VNM (78.75 tỷ), MSN (42.25 tỷ) và VJC (39.53 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **5.00 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

mydh@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Investment - i-Invest

Lương Minh Hiền

hienlm@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX

959.58

Giá trị: 3892.38 tỷ

-31.88 (-3.22%)

Khối ngoại (ròng): -184.97 tỷ

HNX-INDEX

104.11

Giá trị: 330.42 tỷ

-2.17 (-2.04%)

Khối ngoại (ròng): -5 tỷ

UPCOM-INDEX

55.73

Giá trị: 157.72 tỷ

-0.49 (-0.87%)

Khối ngoại(ròng): 7.83 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	52.3	-1.89%
Giá vàng	1,580	0.22%
Tỷ giá USD/VND	23,180	
Tỷ giá EUR/VND	25,524	0.04%
Tỷ giá JPY/VND	21,282	0.12%
LS liên NH 1 tháng	3.4%	9.84%
LS TPCP 5 năm	2.0%	1.97%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HPG	58.1	VNM	78.7
CTG	46.1	MSN	42.3
VHM	20.1	VJC	39.6
GAS	16.9	VCB	33.5
HDB	12.3	VIC	29.0

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Cổ phiếu lớn	Trang 5
Thống kê thị trường	Trang 6
Báo cáo mới nhất	Trang 7
iBroker	Trang 8
Khuyến cáo sử dụng	Trang 9



Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video giới thiệu danh mục Chủ đề

[Link](#)
[Link](#)

* **9/20 danh mục** Chủ đề có hiệu suất **tốt hơn VNINDEX**. Đặc biệt, danh mục **Cổ tức cao - Thanh khoản tốt** - gồm những cổ phiếu trả cổ tức tiền đều, doanh nghiệp có tính ổn định cao, phòng thủ tốt - hôm nay có mức hiệu suất ngày -0.5%, con số này của VNINDEX là -3.2%

* Các danh mục **Mục tiêu** và **Khẩu vị Rủi ro** gồm những mã cổ phiếu có triển vọng khả quan trong dài hạn:

- **4/18 danh mục Mục tiêu** có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**

- **1/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro** có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Cổ tức cao - Thanh khoản tốt_-0.5%

Danh mục	Hiệu suất danh mục							Rủi ro ước tính
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề							
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	-0.5%	0.4%	-1.3%	1.0%	-3.9%	9.5%	43.0%	14.4%
Nước & Năng lượng	-1.3%	0.5%	-2.9%	-5.9%	-7.2%	1.2%	40.9%	14.3%
Vật liệu Xây dựng	-2.3%	-0.5%	0.0%	-4.4%	-0.2%	9.0%	9.8%	18.5%
FTSE Việt Nam	-2.7%	-1.0%	0.4%	-3.5%	-2.8%	7.0%	84.1%	14.8%
Lãi suất giảm	-2.7%	0.4%	3.2%	-6.6%	-6.3%	-0.4%	50.7%	17.8%
BĐS & Khu công nghiệp	-3.0%	-3.2%	-3.2%	-6.7%	-5.5%	3.4%	53.1%	16.4%
MSCI frontier 100 Việt Nam	-3.0%	-1.8%	-0.5%	-4.4%	-4.8%	5.2%	75.2%	13.7%
Xây dựng	-3.1%	1.4%	-0.2%	-13.4%	-14.8%	-17.1%	14.3%	18.1%
Dầu khí	-3.1%	-0.3%	-4.0%	-10.0%	-15.8%	-0.6%	17.3%	22.5%
Chiến tranh thương mại	-3.6%	-1.1%	-1.3%	-9.7%	-12.2%	-0.4%	10.7%	15.4%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	-3.8%	-2.2%	1.2%	-4.1%	3.1%	12.0%	60.5%	15.2%
Top 10 cổ phiếu VN30	-3.8%	-2.4%	0.0%	-8.1%	-1.5%	3.8%	51.0%	14.5%
Cổ phiếu hết room ngoại	-3.8%	-2.2%	0.5%	-5.8%	6.5%	15.4%	68.9%	17.2%
VN FinSelect	-3.9%	-0.8%	4.6%	-0.8%	6.6%	9.4%	42.8%	17.9%
VN Diamond	-3.9%	-1.9%	1.8%	-5.5%	7.8%	16.1%	65.0%	17.0%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	-4.1%	-1.7%	3.5%	-1.3%	10.6%	31.9%	103.8%	19.3%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-4.3%	-3.0%	-2.4%	-7.8%	-13.3%	-10.1%	36.4%	21.1%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	-4.3%	-0.9%	5.4%	-0.1%	8.8%	12.5%	47.6%	19.6%
Hàng tiêu dùng	-4.3%	-2.6%	-1.4%	-13.8%	-8.3%	0.2%	51.7%	17.5%
Ngân hàng	-4.5%	-1.4%	6.4%	4.0%	14.4%	23.2%	93.2%	22.1%

Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 7	-1.9%	-0.2%	-0.5%	-7.0%	-3.2%	4.0%	63.9%	16.0%
Danh mục 13	-1.9%	0.3%	-0.7%	-7.3%	-0.8%	11.2%	57.3%	15.7%
Danh mục 2	-2.7%	-1.5%	0.0%	-6.4%	-3.4%	10.0%	103.2%	16.2%
Danh mục 6	-4.3%	-2.1%	1.4%	-7.6%	2.6%	12.4%	82.1%	20.7%
Danh mục 15	-4.3%	-2.4%	-2.8%	-9.9%	-5.0%	2.4%	52.8%	17.9%

* Note **4/18 danh mục** Mục tiêu có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**

Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 25	-3.2%	-2.6%	1.6%	-4.5%	5.0%	24.1%	100.5%	16.9%
Danh mục 20	-3.2%	-3.3%	-2.2%	-6.2%	1.2%	12.5%	51.7%	16.7%
Danh mục 19	-3.4%	-3.1%	-1.5%	-5.5%	3.5%	17.4%	55.3%	15.2%
Danh mục 23	-3.6%	-1.6%	-0.6%	-4.1%	-2.0%	14.9%	59.7%	17.0%
Danh mục 24	-4.1%	-2.5%	-2.2%	-9.2%	-7.0%	17.2%	84.2%	20.3%

* Note **1/7 danh mục** Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**

INDEX								
VNINDEX	-3.2%	-1.5%	0.1%	-3.7%	-3.8%	5.3%	39.7%	15.4%
VN30INDEX	-3.7%	-1.8%	0.7%	-5.5%	-1.4%	1.4%	36.4%	15.8%

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

<https://invest.bsc.com.vn/#login>

BSC RESEARCH

1/30/2020

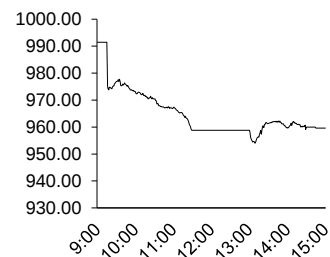
Vietnam Daily Review

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

Hình 1

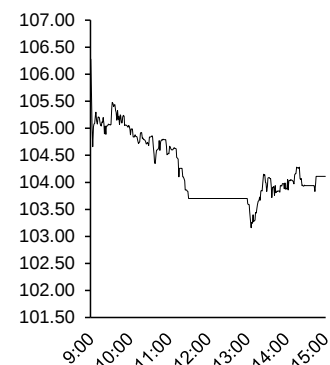
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Y tế	2.6%
Ô tô và phụ tùng	-0.6%
Truyền thông	-0.7%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-1.0%
Xây dựng và Vật liệu	-1.0%
Hóa chất	-1.2%
Bất động sản	-1.5%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-2.2%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-2.3%
Dịch vụ tài chính	-2.8%
Công nghệ Thông tin	-3.0%
Tài nguyên Cơ bản	-3.6%
Dầu khí	-3.6%
Bán lẻ	-4.2%
Thực phẩm và đồ uống	-4.4%
Ngân hàng	-4.5%
Du lịch và Giải trí	-4.8%
Bảo hiểm	-4.8%
Viễn thông	-6.5%

Nguồn: FiinPro

Phân tích kỹ thuật

TCM_Tăng giá

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: đường MACD ở trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Tiếp cận vùng quá mua.
- Đường MA: EMA12 ở trên EMA26.

Nhận định: TCM đang tiếp tục quá trình tăng giá sau khi đã hồi phục trở lại từ nền giá 19-20. Thanh khoản cổ phiếu trong những phiên gần đây có chiều hướng tăng. Các chỉ báo kỹ thuật cũng đều đang ở trong trạng thái tích cực. Chỉ báo động lượng RSI dần tiếp cận vùng quá mua cho thấy có thể xuất hiện sự điều chỉnh nhẹ trong ngắn hạn nhưng có lẽ sẽ chưa ảnh hưởng nhiều đến đà tăng trung và dài hạn. Theo đánh giá của chúng tôi, TCM đang trong quá trình tăng trở lại về vùng giá 28 và mục tiêu này có thể đạt được trong những tháng tới.



Nguồn: BSC, PTKT Iboard

Phân tích cơ bản về cổ phiếu

Cập nhật KQKD

Màng sợi: biên GPM giảm từ mức 7-9% cùng kỳ về 2-3% do giá sợi bông giảm vì (i) sợi bông Trung Quốc xuất sang Mỹ bị đánh thuế quay về thị trường nội địa gây tình trạng dư cung tại thị trường này; (ii) giá sợi giảm theo giá bông. Màng vải: đơn hàng xuất đi Nhật tăng trưởng tốt. Màng may: Giá trị đơn hàng đã xác nhận đến thời điểm hiện tại đã phân bổ sản xuất đến tháng 11/2019. Cơ cấu thị trường tiêu thụ 6T2019: EU và Mỹ: 35%; Hàn Quốc: 30%; Nhật Bản: 20% còn lại là các thị trường khác như Trung Quốc, ASEAN.

Dự án TCM Tower: đã gửi bản điều chỉnh tiến độ đến Sở KHĐT nhưng chưa có ý kiến phản hồi cuối cùng, do đó chưa xin được giấy phép xây dựng, công ty kỳ vọng đến cuối năm sẽ hoàn tất thủ tục và có thể triển khai dự án

Dự án nhà máy dệt nhuộm tại Vĩnh Long: công ty dự kiến sẽ đầu tư NM nhuộm trước trên diện tích đất sẵn có với vốn đầu tư dự kiến 12 triệu USD (xây dựng và MMTB). TCM dự kiến sẽ huy động thêm vốn để thực hiện dự án này thông qua phát hành cho cổ đông hiện hữu/ chiến lược.

Chi tiết tham khảo BSC – iBroker: Express TCM 2019Q3

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

CTG_Hồi phục

[Link](#)

FPT_Xu hướng hồi phục

[Link](#)

VPB_Hồi phục

[Link](#)

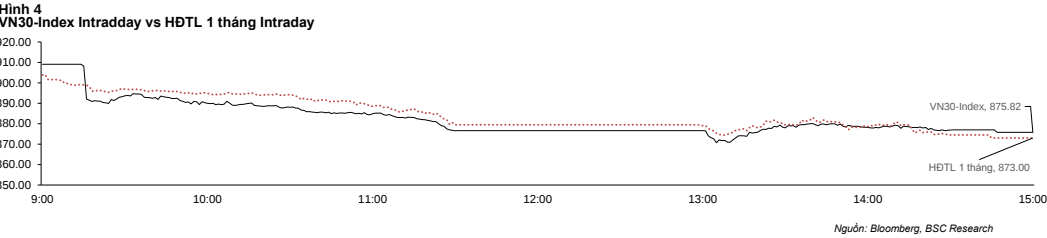
HPG_Tăng giá

[Link](#)

NVL_Tăng giá

[Link](#)

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Điểm	%	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2002	873.00	-3.96%	-2.82	64.3%	105632	2/20/2020	21
VN30F2003	875.90	-3.44%	0.08	123.2%	337	3/19/2020	49
VN30F2006	876.10	-3.62%	0.28	167.7%	174	6/18/2020	140
VN30F2009	878.80	-3.40%	2.98	126.7%	68	9/17/2020	231

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index giảm mạnh -33.27 điểm xuống mức 875.82 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như TCB, VNM, VJC, HPG, và VPB tác động mạnh đến điều chỉnh giảm của VN30. VN30 giảm mạnh ngay từ phiên ATO xuống quanh 890 điểm, sau đó giảm tiêu cực về gần 870 điểm cuối phiên sáng. Sang phiên chiều, VN30 giảm nhẹ về cuối phiên xuống quanh 875 điểm, sau khi phục hồi tích cực, tiếp cận 880 điểm. Thanh khoản tăng mạnh, VN30 có thể lùi về hỗ trợ gần nhất quanh 870 điểm trong những phiên tiếp theo.
- Các HDTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, VN30F2002 và VN30F2006 đang tăng, trong khi VN30F2003 và VN30F2009 đang giảm. Xét về vị thế mở, các hợp đồng đều giảm. Điều này báo hiệu vận động tích lũy trong ngắn hạn tới dài hạn. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 910 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CTCB1902	VND	6/5/2020	127	1:1	1,079,250	712.6%	2.0 triệu	22.36%	5,300	5,200	15.30%	4,858.10	1.07
CHPG1907	SSI	4/22/2020	83	1:1	169,040	1884.0%	1.0 triệu	25.27%	4,200	6,000	-5.81%	1,771.00	3.39
CVPB1901	VND	3/5/2020	35	1:1	139,760	316.6%	2.0 triệu	22.49%	3,500	5,200	-6.47%	-	-
CVIC1902	SSI	4/22/2020	83	1:1	6,750	-14.6%	1.0 triệu	14.65%	22,700	11,170	-6.76%	19,885.60	0.56
CHDB2001	KIS	6/19/2020	141	2:1	57,560	330.2%	5.0 triệu	21.91%	2,000	2,130	-8.97%	4,513.30	0.47
CFPT1905	SSI	4/22/2020	83	1:1	126,340	-8.1%	1.0 triệu	21.58%	9,900	5,020	-9.55%	4,390.30	1.14
CREE1905	MBS	6/17/2020	139	3:1	286,650	-45.2%	2.4 triệu	22.71%	2,150	1,800	-10.00%	0.10	18,000.00
CFPT1908	MBS	6/17/2020	139	3:1	252,460	25.2%	2.4 triệu	21.58%	3,150	2,410	-13.31%	5,871.10	0.41
CMBB2001	HSC	6/22/2020	144	2:1	56,800	-52.1%	5.0 triệu	18.98%	1,600	1,630	-14.21%	2,238.20	0.73
CMWG2001	HSC	6/22/2020	144	10:1	90,830	42.1%	5.0 triệu	22.99%	1,700	1,700	-16.67%	696.80	2.44
CVNM2001	HSC	6/22/2020	144	10:1	68,950	-54.0%	5.0 triệu	17.99%	1,700	1,390	-16.77%	-	-
CVHM1902	SSI	4/22/2020	83	1:1	48,670	-2.6%	1.0 triệu	21.56%	18,600	9,700	-17.66%	159.00	61.01
CHPG1909	KIS	5/15/2020	106	2:1	452,260	-0.5%	5.0 triệu	25.27%	1,800	1,550	-18.42%	944.40	1.64
CVNM1903	SSI	4/22/2020	83	1:1	73,340	493.8%	1.0 triệu	17.99%	26,600	11,890	-20.20%	2,817.10	4.22
CMWG1907	HSC	4/8/2020	69	10:1	206,570	412.5%	5.0 triệu	22.99%	1,900	710	-21.11%	11,751.40	0.06
CVJC1902	SSI	4/22/2020	83	1:1	13,580	142.5%	1.0 triệu	14.70%	27,900	20,220	-21.93%	55.10	366.97
CMBB1905	HSC	4/8/2020	69	2:1	278,460	105.9%	5.0 triệu	18.98%	1,700	660	-29.79%	49.40	13.36
CMBB1903	SSI	4/22/2020	83	1:1	93,040	-45.2%	3.0 triệu	18.98%	4,000	1,680	-31.43%	438.50	3.83
CVNM1906	VND	3/5/2020	35	2:1	113,170	177.5%	1.0 triệu	17.99%	8,100	3,830	-32.33%	-	-
CMSN1902	KIS	5/15/2020	106	5:1	326,910	63.4%	2.0 triệu	27.59%	1,640	360	-33.33%	2,123.30	0.17
CNVL1901	KIS	2/7/2020	8	4:1	57,830	13.4%	5.0 triệu	19.18%	1,900	80	-61.90%	2,166.60	0.04
CVHM1901	KIS	2/7/2020	8	4:1	13,540	10.7%	5.0 triệu	21.56%	3,100	390	-66.09%	4,132.60	0.09
Tổng:					3,613,480		50.80 triệu	20.58%**					
Chú thích:					Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi			
					Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn			
					**Trung bình độ lệch chuẩn					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes			

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 30/1/2019, hầu hết chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch tăng.
- Về giá, CVHM1901 và CNVL1901 giảm mạnh nhất lần lượt là -66.09% và -61.90%. Trong phiên hôm nay, chỉ có duy nhất CTCB1902 tăng với mức 15.30%. Thanh khoản thị trường tăng 26.80%. CTCB1902 có khối lượng giao dịch nhiều nhất, chiếm 23.07% thị trường.
- Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là HPG và VHM, hầu hết các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CVJC1902 và CVPB1901 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CVPB2001 và CVPB1901 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
EIB	17.95	2.87	0.72
SBT	18.60	0.00	0.00
VIC	114.90	0.00	0.00
CTD	52.90	-0.94	-0.02
DPM	12.45	-1.19	-0.03

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
TCB	22.9	-5.37	-4.07
VNM	116.6	-3.87	-3.25
VJC	140.0	-4.44	-2.34
HPG	25.3	-3.80	-2.28
MBB	21.3	-5.13	-2.21

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CTCB1902	26,300	21,000	22,900
CHPG1907	25,200	21,000	25,300
CVPB1901	21,500	18,000	22,700
CVIC1902	137,700	115,000	114,900
CHDB2001	33,099	29,099	27,950
CFPT1905	64,900	55,000	54,700
CREE1905	41,050	34,600	35,800
CFPT1908	63,450	54,000	54,700
CMBB2001	24,200	21,000	21,250
CMWG2001	132,000	115,000	114,000
CVNM2001	137,000	120,000	116,600
CVHM1902	103,600	85,000	87,400
CHPG1909	28,280	24,680	25,300
CVNM1903	145,580	118,980	116,600
CMWG1907	144,000	125,000	114,000
CVJC1902	157,900	130,000	140,000
CMBB1905	26,400	23,000	21,250
CMBB1903	26,000	22,000	21,250
CVNM1906	130,225	114,025	116,600
CMSN1902	86,089	77,889	50,100
CNVL1901	69,688	62,088	55,100
CVHM1901	102,288	89,888	87,400

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	114.0	-4.4%	0.8	2,246	6.6	8,655	13.2	4.2	50.1%	36.3%
PNJ	Bán lẻ	87.7	-3.9%	1.0	859	5.0	5,327	16.5	4.3	49.0%	28.6%
BVH	Bảo hiểm	63.1	-5.8%	1.2	2,037	0.9	1,553	40.6	2.8	29.5%	8.7%
PVI	Bảo hiểm	31.2	-3.7%	0.7	314	0.1	2,859	10.9	1.0	54.3%	9.6%
VIC	Bất động sản	114.9	0.0%	1.1	16,897	3.4	1,589	72.3	4.9	14.8%	7.8%
VRE	Bất động sản	31.0	-5.1%	1.1	3,058	2.7	1,033	30.0	2.5	32.9%	8.8%
NVL	Bất động sản	55.1	-1.6%	0.8	2,323	1.0	3,187	17.3	2.5	7.0%	15.5%
REE	Bất động sản	35.8	-3.2%	1.1	483	1.5	5,286	6.8	1.1	49.0%	16.6%
DXG	Bất động sản	12.4	-5.0%	1.4	282	1.5	2,849	4.4	0.9	45.4%	20.3%
SSI	Chứng khoán	18.5	-4.1%	1.4	417	1.9	1,708	10.8	1.0	55.2%	9.4%
VCI	Chứng khoán	27.0	-5.6%	1.0	193	0.1	4,218	6.4	1.1	36.0%	18.0%
HCM	Chứng khoán	20.7	-7.0%	1.4	274	2.9	1,421	14.5	1.5	56.3%	11.7%
FPT	Công nghệ	54.7	-3.2%	0.9	1,613	6.3	4,688	11.7	2.7	49.0%	24.9%
FOX	Công nghệ	40.6	0.0%	0.4	439	0.0	4,156	9.8	2.5	0.1%	27.7%
GAS	Dầu khí	92.0	-3.1%	1.6	7,656	1.5	6,096	15.1	3.6	3.6%	25.5%
PLX	Dầu khí	55.4	-3.3%	1.5	2,868	0.8	3,467	16.0	3.0	13.4%	19.5%
PVS	Dầu khí	17.3	-5.5%	1.6	360	2.1	2,062	8.4	0.7	21.5%	8.5%
BSR	Dầu khí	8.2	-2.4%	0.8	1,105	1.0	1,163	7.1	0.8	41.1%	11.0%
DHG	Dược	93.0	5.7%	0.6	529	0.3	4,668	19.9	3.6	54.4%	18.8%
DPM	Hóa chất	12.5	-1.2%	0.7	212	0.2	902	13.8	0.6	18.9%	3.7%
DCM	Hóa chất	6.0	-2.1%	0.6	137	0.1	625	9.5	0.5	2.4%	5.5%
VCB	Ngân hàng	88.9	-4.8%	1.2	14,336	13.7	5,004	17.8	3.8	23.8%	25.1%
BID	Ngân hàng	52.7	-5.0%	1.5	9,216	3.2	2,398	22.0	2.8	18.0%	13.5%
CTG	Ngân hàng	24.4	-4.9%	1.6	3,942	12.2	2,541	9.6	1.2	29.7%	13.1%
VPB	Ngân hàng	22.7	-3.8%	1.2	2,406	4.3	3,370	6.7	1.3	23.4%	21.5%
MBB	Ngân hàng	21.3	-5.1%	1.1	2,149	8.5	3,261	6.5	1.3	20.9%	21.8%
ACB	Ngân hàng	23.6	-3.7%	1.1	1,700	4.4	3,686	6.4	1.4	30.0%	24.6%
BMP	Nhựa	44.5	-2.0%	0.8	158	0.1	5,165	8.6	1.4	80.5%	16.5%
NTP	Nhựa	32.0	0.6%	0.3	137	0.0	4,167	7.7	1.2	20.4%	17.0%
MSR	Tài nguyên	15.0	0.0%	1.2	645	0.0	732	20.5	1.1	2.0%	5.6%
HPG	Thép	25.3	-3.8%	0.9	3,037	14.4	2,526	10.0	1.5	38.6%	17.4%
HSG	Thép	8.7	-3.6%	1.7	159	3.2	1,161	7.5	0.7	18.3%	3.3%
VNM	Tiêu dùng	116.6	-3.9%	0.7	8,828	7.8	5,527	21.1	7.4	58.8%	36.5%
SAB	Tiêu dùng	218.0	-6.2%	0.8	6,078	0.4	7,477	29.2	7.4	63.4%	29.9%
MSN	Tiêu dùng	50.1	-6.2%	1.1	2,546	3.5	4,772	10.5	1.4	39.2%	15.4%
SBT	Tiêu dùng	18.6	0.0%	0.6	474	1.0	508	36.6	1.5	6.3%	3.5%
ACV	Vận tải	64.4	-6.7%	0.8	6,096	0.6	2,630	24.5	4.6	3.7%	19.7%
VJC	Vận tải	140.0	-4.4%	1.1	3,189	3.5	9,850	14.2	5.4	19.5%	43.3%
HVN	Vận tải	30.6	-6.9%	1.7	1,884	1.4	1,640	18.6	2.4	10.1%	13.4%
GMD	Vận tải	20.5	-4.9%	0.8	265	0.5	1,949	10.5	1.0	49.0%	9.7%
PVT	Vận tải	14.3	-3.4%	0.6	175	0.4	2,571	5.6	1.0	32.0%	18.2%
VCS	Vật liệu xây dựng	67.8	-1.7%	1.1	472	0.7	8,824	7.7	3.1	2.2%	45.6%
VGC	Vật liệu xây dựng	18.0	-1.4%	0.8	351	0.2	1,454	12.4	1.3	13.4%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	14.8	-0.7%	0.9	246	0.0	1,953	7.6	1.0	6.5%	13.8%
CTD	Xây dựng	52.9	-0.9%	0.9	175	0.3	8,858	6.0	0.5	47.1%	8.2%
VCG	Xây dựng	25.8	0.4%	1.1	495	0.1	1,557	16.6	1.7	0.5%	10.4%
CII	Xây dựng	25.0	-2.0%	0.4	269	0.2	1,845	13.6	1.1	51.0%	8.8%
POW	Điện	11.1	0.0%	0.6	1,130	1.6	820	13.5	1.1	13.5%	7.8%
NT2	Điện	19.8	3.9%	0.6	248	0.4	2,577	7.7	1.4	18.5%	19.1%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DHG	93.00	5.68	0.19	75960.00
EIB	17.95	2.87	0.18	275370.00
VCF	195.00	6.56	0.09	10.00
NT2	19.80	3.94	0.06	486140.00
VPD	15.70	6.80	0.03	1010.00

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
OCH	8.30	9.21	0.07	2100.00
NVB	9.10	1.11	0.04	410700.00
AMV	20.00	6.38	0.04	44800.00
DGC	25.60	1.59	0.03	113800.00
SJ1	22.00	10.00	0.02	200.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	88.90	-4.82	-4.86	3.54MLN
BID	52.70	-5.05	-3.28	1.39MLN
SAB	218.00	-6.24	-2.71	38140.00
VNM	116.60	-3.87	-2.39	1.53MLN
VHM	87.40	-2.24	-1.95	1.41MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	23.60	-3.67	-1.46	4.25MLN
PVS	17.30	-5.46	-0.25	2.70MLN
SHB	7.50	-2.60	-0.22	9.10MLN
CEO	8.70	-4.40	-0.06	512300.00
NDN	15.60	-7.14	-0.06	400000.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GAB	41.35	6.99	0.01	16600.00
HSL	8.00	6.95	0.00	1.45MLN
UDC	3.85	6.94	0.00	10.00
VRC	7.09	6.94	0.01	708720.00
BSI	8.80	6.93	0.02	67040.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HKB	0.80	14.3	0.01	182000.00
DST	1.00	11.1	0.00	75300.00
API	14.30	10.0	0.02	400.00
SJ1	22.00	10.0	0.02	200.00
STP	6.60	10.0	0.00	100.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HCM	20.65	-6.98	-0.14	3.21MLN
SC5	21.40	-6.96	-0.01	1070.00
ANV	20.75	-6.95	-0.06	367640.00
NKG	8.84	-6.95	-0.04	814540.00
SMB	31.50	-6.94	-0.02	47400.00

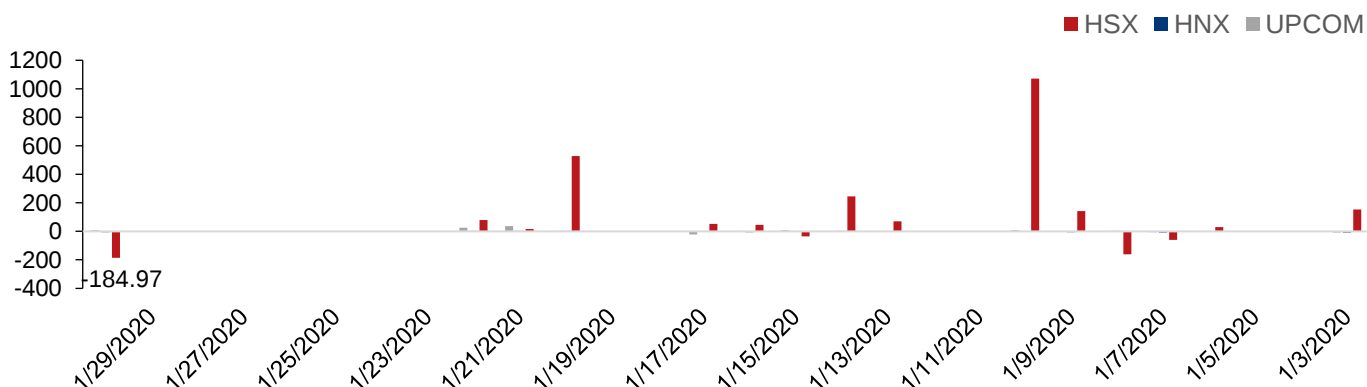
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACM	0.50	-16.67	-0.01	750400.00
BII	0.80	-11.11	0.00	144100.00
PPP	18.90	-10.00	-0.01	300.00
NHC	33.40	-9.97	-0.01	100.00
CSC	30.00	-9.91	-0.01	52300.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	Phân tích vĩ mô		Click
2	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
3	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
4	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
5	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
6	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
7	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
8	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
9	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
10	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019_Không nhiều	Phân tích vĩ mô		Click
11	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
12	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hỏi	Phân tích vĩ mô		Click
13	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click
14	2019M2_Biến động giảm co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click
15	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		Click
16	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click
17	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click
18	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click
19	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click
20	VM_M11_Giao dịch giảm co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	QNS	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	28.7	35.0	27.5	5,020	5.5	1.3	Click
2	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	86.5	99.7	87.7	5,327	16.5	4.3	Click
3	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/2019	16.8	20.2	14.3	2,571	5.6	1.0	Click
4	NTC	Bất động sản	Theo dõi	18/12/2019	170.0	n/a	165.5	29,035	5.7	4.5	Click
5	PVD	Dầu khí	Theo dõi	16/12/2019	113.2	171.4	14.3	0	40.8	0.4	Click
6	MWG	Bán lẻ	Mua	16/12/2019	22.8	27.8	114.0	8,655	13.2	4.2	Click
7	ACB	Ngân hàng	Mua	10/12/2019	13.9	15.9	23.6	3,686	6.4	1.4	Click
8	AAA	Sản xuất	Theo dõi	4/12/2019	23.4	26.0	12.1	2,736	4.4	0.7	Click
9	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	4/12/2019	125.1	162.5	22.9	2,881	7.9	1.3	Click
10	VTP	Vận tải	Mua	25/11/2019	84.5	121.0	116.0	6,216	18.7	7.1	Click
11	VCB	Ngân hàng	Mua	25/11/2020	34.8	42.3	88.9	5,004	17.8	3.8	Click
12	HDG	Bất động sản	Mua	13/11/2019	60.5	75.3	29.0	7,028	4.1	1.5	Click
13	FPT	CNTT	Mua	13/11/2019	25.5	30.8	54.7	4,688	11.7	2.7	Click
14	DGW	Bán lẻ	Mua	31/10/2019	20.0	29.1	24.3	3,897	6.2	1.1	Click
15	PC1	Điện	Mua mạnh	14/10/2019	38.0	N/a	17.8	2,246	7.9	0.8	Click
16	TRC	Cao su	Theo dõi	10/1/2019	78.5	82.7	32.8	2,846	11.5	0.6	Click
17	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	30/09/2019	130.0	142.1	50.1	4,772	10.5	1.4	Click
18	VNM	Tiêu dùng	Theo dõi	27/09/2019	22.3	26.0	116.6	5,527	21.1	7.4	Click
19	TPB	Ngân hàng	Theo dõi	27/09/2020	39.5	48.0	21.4	3,700	5.8	1.4	Click
20	REE	Công nghiệp	Mua	27/09/2021	79.0	93.5	35.8	5,286	6.8	1.1	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express TNG 2019Q4	5/12/2019	Giá tại Publish 15000 Năm 2020, doanh thu dự kiến là 4,950 tỷ, trong đó (1) xuất khẩu là 4,850 tỷ (2) thời trang nội địa là 100 tỷ. Khách hàng: Decathlon chiếm 40% tổng DT, là người cung cấp nguyên liệu (Anh Đức: Decathlon giao đến cảng Hải Phòng rồi TNG ra nhận, Anh Hoàng – chủ kho Sông Công 2: Decathlon giao đến tận kho). Vấn đề tồn kho: Tồn kho tăng cao là đặc thù của ngành chung. Các doanh nghiệp may phục vụ theo đơn hàng => tồn kho chắc chắn sẽ xuất được xưởng (Cmt: trong TH khách hàng vẫn hoạt động bình thường. Vẫn còn rủi ro đặt hàng xong ko lấy, lấy hàng xong ko trả tiền - > nợ xấu)
Express MSH 2019Q	3/12/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 60500 BSC dự báo doanh thu thuần của MSH năm 2019 đạt 4,472 tỷ đồng (+13.2% YoY) với giá định doanh thu hàng may mặc xuất khẩu đạt 174.7 triệu USD (+13.6% YoY) với động lực đến từ các khách hàng Haddad (+38%), G-III (+32%), Columbia (+10%) trong khi mảng chăn ga gối tương đương cùng kỳ. Biên LNG tương đương 2018 ở mức 20.1%, biên EBIT cải thiện từ 11.1% lên 11.7% nhờ tiết giảm CPBH và QLDN. LNST ước đạt 420 tỷ (+13.5% YoY), EPS = 8,170 đồng/CP (giá định trích quỹ KTPL 5% LNST). Kế hoạch 2019-2023: (i) Hoàn thành thủ tục và di dời các xưởng may trong nội thành (1-6) ra cụm CN xã Mỹ Tân, Mỹ Lộc, Nam Định (21ha), vốn đầu tư 500 -550 tỷ, phát triển thành khu sản xuất tập trung của MSH, sau đó thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng đất tại các NM di dời (khoảng 8ha). Việc di dời sẽ thực hiện theo hình thức cuốn chiếu nên sẽ không ảnh hưởng đến sản xuất. (ii) Đạt doanh thu 5,000 tỷ năm 2021 (CAGR =7.8%), cổ tức 35-45%/năm.
Express VIB 2019Q4	5/12/2019	Khuyến nghị NẮM GIỮ; Giá mục tiêu 19500; Giá tại Publish 16700 Chúng tôi khuyến nghị THEO DÕI cổ phiếu VIB với giá mục tiêu 19,500 VND/cp, upside 17% với phương pháp P/B = 1.3x cho năm 2020 (tỷ suất chiết khấu 15%). BSC dự báo, VIB sẽ ghi nhận TOI và PBT trong năm 2020 lần lượt đạt mức 9,984 tỷ VND (+22.5% yoy) và 4,417 tỷ VND (+20% yoy), BVPS 2020 = 21,000 VND/cp
Express BID 2019Q4	5/12/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá tại Publish 40100 Trong năm 2019, BSC dự báo BID sẽ ghi nhận TOI = 50,265 tỷ VND (+13% yoy), PBT = 10,800 tỷ VND (+14% yoy). Trong năm 2020, BID sẽ ghi nhận TOI = 58,816 tỷ VND (+17% yoy), PBT = 13,134 tỷ VND (+21.6% yoy). BVPS 2020 = 14,862 VND/cp. Tăng vốn từ KEB Hana Bank giúp BID giải quyết vấn đề về CAR tạo room tăng trưởng thời gian tới. BID đã được SBV chấp nhận tuân thủ tiêu chuẩn Basel II vào tháng 12/2019, ước tính sau khi nhận được vốn từ Hana, CAR của BID sẽ được cải thiện lên mức 10.4%
Express VPB 2019Q4	5/12/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 26514; Giá tại Publish 19300 Chúng tôi dự báo, trong năm 2019, VPB sẽ ghi nhận TOI = 35,852 tỷ VND (+15.3% yoy) và PBT = 10,375 tỷ VND (+12.8% yoy). Trong năm 2020, TOI và PBT của VPB lần lượt ở mức 40,093 tỷ VND (+11.8% yoy) và 12,955 tỷ VND (+24.8% yoy).

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong
Trần Thành Hưng
Nguyễn Hoàng Dương
Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn
hungtt@bsc.com.vn
duongnh@bsc.com.vn
nguyennh@bsc.com.vn